UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 224 /QĐ-UBND	*Hạ Long, ngày 22 tháng 01 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung, xã Phương Đông, thị xã Uông Bí

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Uông Bí giai đoạn 2009 - 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 07/7/2009.

Căn cứ Thông báo số 1042 ngày 06/5/2009 của Tỉnh Ủy "V/v Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy về dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung, tuyến đường vào Yên Tử và hệ thống dịch vụ vệ sinh môi trường Khu di tích danh thắng Yên Tử, thị xã Uông Bí";

Căn cứ văn bản số 710/UBND-QH1 ngày 12/03/2009 của UBND tỉnh "V/v Công ty cổ phần Đầu tư ATS tự bỏ kinh phí nghiên cứu phương án đầu tư Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung; tuyến đường tâm linh vào Yên Tử và hệ thống công trình dịch vụ khu di tích Yên Tử, thị xã Uông Bí"; văn bản số 1595/UBND-QH1 ngày 13/05/2009 của UBND tỉnh "V/v Công ty cổ phần Đầu tư ATS đầu tư kinh phí nghiên cứu, hoàn thiện dự án đầu tư Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung; tuyến đường vào Yên Tử và hệ thống các công trình dịch vụ khu di tích Yên Tử, thị xã Uông Bí"; văn bản số 1685/UBND-QH1 ngày 19/05/2009 của UBND tỉnh "V/v điều chỉnh thời gian hoàn thiện dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung; tuyến đường vào Yên Tử và hệ thống các công trình dịch vụ khu di tích Yên Tử, thị xã Uông Bí";

Căn cứ Quyết định số 3021/QĐ-UBND ngày 02/10/2009 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung, xã Phương Đông, thị xã Uông Bí";

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 286/SXD-QH ngày 11/6/2009; hồ sơ đồ án Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 được UBND thị xã Uông Bí thỏa thuận, Sở Xây dựng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung, xã Phương Đông, thị xã Uông Bí (kèm theo Bản đồ quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000) với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới:

- Khu vực lập quy hoạch nằm tại xã Phương Đông, thị xã Uông Bí; phạm vi nghiên cứu như sau:

+ Phía Đông và phía Bắc giáp đồi.

+ Phía Tây giáp với tuyến đường vào Khu di tích, danh thắng Yên Tử.

+ Phía Nam giáp hành lang bảo vệ tuyến điện 110KV

- Tổng diện tích nghiên cứu 4.728.000 m^2.

2. Tính chất:

- Là khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp.

- Là khu du lịch nằm trong chuỗi du lịch Hà Nội, Côn Sơn Kiếp Bạc, Yên Tử, Yên Trung và Hạ Long.

3. Nội dung quy hoạch:

3.1. Phân khu chức năng: Khu du lịch sinh thái, resort hồ Yên Trung gồm 02 khu chức năng chính:

- Khu A (Phía Tây dự án, giáp tuyến đường vào Khu di tích danh thắng Yên Tử, đồi thông và hồ Yên Trung) gồm một số khu chức năng chính: Đón tiếp, dịch vụ thương mại phục vụ cho các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí (Nhà hàng, khách sạn 5 sao; trung tâm thương mại mua sắm cao cấp, các khu nhà nghỉ, sân tập gofl); trung tâm biểu diễn nghệ thuật; trung tâm văn hoá và triển lãm quốc tế.

- Khu B: (Phía Đông dự án, xung quanh khu vực hồ Yên Trung) gồm một số khu chức năng chính: Khu cắm trại phục vụ cho kỳ nghỉ ngắn của trẻ em và thanh niên (phía Bắc của hồ Yên Trung); khu Spa cao cấp kết hợp chăm sóc sức khoẻ; các khu vui chơi tổng hợp; khu nhà nghỉ; khu vực không gian tâm linh (bố trí các nhà nghỉ tĩnh tâm, nhà hàng với những món ăn chay, hệ thống chùa và không gian tĩnh tâm); khu nhà Bungalows.

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Cơ cấu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng công trình	84,5	17,9
1	Khu dịch vụ công cộng	32,4	7,4
2	Khu vui chơi tổng hợp	4,8	1,0
3	Khu Spa cao cấp, chăm sóc sức khỏe	3,5	0,7
4	Khu nhà nghỉ	4,3	0,9
5	Khu nghỉ dưỡng cao cấp	6,0	1,3
6	Khu Bungalows	7,3	1,6
7	Khu nghỉ dưỡng tĩnh tâm	5,1	1,1
8	Khu biệt thự nghỉ dưỡng	21,1	4,4
B	Không gian cây xanh, phố đi bộ	11,8	2,5
C	Cây xanh công viên	42,0	8,9
D	Sân tập Golf	19,5	4,1

E	Mặt nước (hồ Yên Trung)	74,5	15,8
F	Mặt nước (suối, ao, hồ)	10,4	2,2
G	Cây xanh sinh thái đồi rừng	186,9	39,5
H	Khu kỹ thuật	1,8	0,3
I	Đất giao thông, bãi đỗ xe	41,4	8,8
	Tổng diện tích đất	472,8	100,0

- Bảng danh mục sử dụng đất các khu chức năng:

STT	Ký hiệu	Danh mục sử dụng đất	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số SDĐ (lần)	Tỷ lệ (%)
1		Dịch vụ công cộng	32,4				7,4
	TTHN	Trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế	12,1	29,5	03	0,88	
	TTNT	Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn	5,5	15,4	02	0,31	
	TTTL	Trung tâm Văn hóa, trưng bày và triển lãm	2,6	24,2	02	0,48	
	SK	Sân khấu ngoài trời	0,4	-	-	-	
	DVC1	Khách sạn 5 sao	0,3	10,3	05	0,51	
	DVC2	Khách sạn 5 sao	3,6	8,6	05	0,43	
	DVC3	Khách sạn 5 sao	1,2	24,3	05	1,22	
	DVC4	Khách sạn 5 sao	1,1	27,1	05	1,35	
	TTTM	Trung tâm Thương mại, mua sắm cao cấp	5,6	7,7	02	0,15	
2		Khu vui chơi tổng hợp	4,8				1,0
	CCVH	Nhà điều hành	1,3	8,5	02	0,17	
	VCH1	Khu vui chơi tổng hợp	2,6	44,2	01	0,44	
	VCH2	Khu vui chơi thiếu nhi	0,9	-	-	-	
3		Khu Spa cao cấp, chăm sóc sức khỏe	3,5				0,7
	SPA1	Spa cao cấp	2,4	3,4	02	0,03	
	SPA2	Spa cao cấp	1,1	12,3	02	0,12	
4		Khu nhà nghỉ dành cho người nước ngoài	4,3				0,9
	CCNN	Nhà đón tiếp, dịch vụ	0,4	22,9	02	0,46	
	ONN1	Biệt thự, nhà vườn	1,3	10,4	01	0,01	
	ONN2	Biệt thự, nhà vườn	1,4	14,1	01	0,14	
	ONN3	Biệt thự, nhà vườn	0,6	10,0	01	0,10	
	ONN4	Biệt thự, nhà vườn	0,4	18,7	01	0,19	
	ONN5	Biệt thự, nhà vườn	0,2	25,9	01	0,26	
5		Khu nghỉ dưỡng cao cấp	6,0				1,3
	CCND	Nhà hàng, câu lạc bộ	0,8	13,4	02	0,27	

	NCC1	Biệt thự cao cấp	0,8	11,6	02	0,23	
	NCC2	Biệt thự cao cấp	0,7	22,9	02	0,46	
	NCC3	Biệt thự cao cấp	0,4	22,0	02	0,44	
	NCC4	Biệt thự cao cấp	1,7	16,9	02	0,34	
	NCC5	Biệt thự cao cấp	1,6	25,0	02	0,50	
6		Khu Bungalows	7,3				1,6
	CCBU	Nhà hàng, khách sạn	0,8	34,1	01	0,34	
	BUG1	Bungalows	1,3	16,0	01	0,16	
	BUG2	Bungalows	1,6	15,1	01	0,15	
	BUG3	Bungalows	1,1	15,0	01	0,15	
	BUG4	Bungalows	2,5	13,9	01	0,14	
7		Khu nghỉ dưỡng tĩnh tâm	5,1				1,1
	TL01	Nhà hàng ăn chay	2,4	9,4	01	0,09	
	TL02	Nhà nghỉ	0,4	16,0	01	0,16	
	TL03	Nhà hàng ăn chay	1,1	27,3	01	0,27	
	TL04	Chùa	0,7	15,2	01	0,15	
	TL05	Nhà nghỉ	0,5	16,3	01	0,16	
8		Khu biệt thự nghỉ dưỡng	21,1				4,4
	OTM1	Biệt thự, nhà vườn	1,9	30,5	02	0,61	
	OTM2	Biệt thự, nhà vườn	0,9	26,6	02	0,53	
	OTM3	Biệt thự, nhà vườn	1,3	31,2	02	0,62	
	OTM4	Biệt thự, nhà vườn	1,9	34,0	02	0,68	
	OTM5	Biệt thự, nhà vườn	1,3	22,4	02	0,45	
	OTM6	Biệt thự, nhà vườn	2,5	21,8	02	0,49	
	OTM7	Biệt thự, nhà vườn	1,0	24,5	02	0,49	
	OTM8	Biệt thự, nhà vườn	0,7	33,7	02	0,67	
	CCT1	Câu lạc bộ	0,6	17,0	02	0,34	
	OTM9	Biệt thự, nhà vườn	1,2	17,7	02	0,35	
	CCT2	Dịch vụ công cộng	0,3	15,0	02	0,60	
	OTM10	Biệt thự, nhà vườn	1,8	32,0	02	0,64	
	CCT3	Dịch vụ công cộng	0,3	29,6	02	0,59	
	OTM11	Biệt thự, nhà vườn	1,8	32,1	02	0,64	
	OTM12	Biệt thự, nhà vườn	1,1	25,2	02	0,50	
	OTM13	Biệt thự, nhà vườn	0,7	15,0	02	0,60	
	OTM14	Biệt thự, nhà vườn	1,3	34,0	02	0,68	
	OTM15	Biệt thự, nhà vườn	0,4	20,4	02	0,41	
9		Không gian cây xanh, đi bộ	11,8				2,5
	KIO1	Không gian cây xanh, đi bộ	1,6	15,6	01	0,16	
	KIO2	Không gian cây xanh, đi bộ	0,7	13,7	01	0,14	
	KIO3	Không gian cây xanh, đi bộ	1,0	16,1	01	0,16	
	KIO4	Không gian cây xanh, đi bộ	2,0	18,3	01	0,18	
	KIO5	Không gian cây xanh, đi bộ	2,0	18,1	01	0,18	
	KIO6	Không gian cây xanh, đi bộ	1,2	16,9	01	0,17	

	KIO7	Không gian cây xanh, đi bộ	1,2	16,9	01	0,17	
	KIO8	Không gian cây xanh, đi bộ	1,1	19,4	01	0,19	
	KIO9	Không gian cây xanh, đi bộ	1,0	19,6	01	0,20	
10		Cây xanh công viên	42,0				8,9
	XTM1	Đất cây xanh	1,4	-	-	-	
	XTM2	Đất cây xanh	2,1	-	-	-	
	XTM3	Đất cây xanh	0,7	-	-	-	
	XTM4	Đất cây xanh	0,7	-	-	-	
	XTM5	Đất cây xanh	0,4	-	-	-	
	XTM6	Đất cây xanh	1,3	-	-	-	
	XTM7	Đất cây xanh	0,4	-	-	-	
	XTM8	Đất cây xanh	0,8	-	-	-	
	XTM9	Đất cây xanh	1,1	-	-	-	
	XTM10	Đất cây xanh	0,7	-	-	-	
	CV1	Đất công viên	3,0	3,2	01	0,03	
	CV2	Đất công viên	2,9	15,0	01	0,15	
	CV3	Đất công viên	4,3	-	-	-	
	CV4	Đất công viên	1,5	-	-	-	
	CV5	Đất công viên	0,7	-	-	-	
	CV6	Đất công viên	1,7	-	-	-	
	CV7	Đất công viên	9,2	2,7	01	0,03	
	CV8	Đất công viên	2,1	-	-	-	
	CV9	Đất công viên	1,5	-	-	-	
	CV10	Đất công viên	3,6	-	-	-	
	CV11	Đất công viên	0,3	-	-	-	
	CV12	Đất công viên	1,6	8,4	01	0,08	
11		Sân tập Golf	19,5				4,1
	GOL1	Sân tập Golf	2,0	-	-	-	
	GOL2	Sân tập Golf	11,1	-	-	-	
	GOL3	Sân tập Golf	2,5	-	-	-	
	GOL4	Sân tập Golf	3,9	-	-	-	
12		Mặt nước (hồ Yên Trung)	74,5				15,8
	HOYT	Mặt nước	60,4	-	-	-	
	DAO1	Đảo	11,8	-	-	-	
	DAO2	Đảo Bạch Thái Bưởi	2,3	-	-	-	
13		Mặt nước (suối, ao, hồ)	10,4				2,2
14		Cây xanh sinh thái đồi rừng	186,9				39,5
	CXST	Cây xanh sinh thái	2,8	-	-	-	
	DR1	Đồi rừng	28,0	-	-	-	
	DR2	Đồi rừng	53,3	-	-	-	
	DR3	Đồi rừng	13,5	-	-	-	
	DR4	Đồi rừng	11,2	-	-	-	
	DR5	Đồi rừng	55,4	-	-	-	

	DR6	Đồi rừng	22,7	-	-	-	
15		Đất khu kỹ thuật	1,8				0,4
16		Đất giao thông	41,4				8,2
	P1	Bãi đỗ xe	0,5	-	-	-	
	P2	Bãi đỗ xe	0,9	-	-	-	
		Đường nội bộ	40,0	-	-	-	
		Tổng diện tích	472,8				100

3.2. Định hướng kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan mang nét đặc của từng khu vực, hài hòa với cảnh quan tự nhiên khu vực và tạo tổng thể thống nhất toàn khu du lịch sinh thái.

- Tận dụng, tôn trọng tối đa các yếu tố tự nhiên khu vực (mặt nước, cây xanh...) để tạo các điểm nhìn đẹp có giá trị.

- Các công trình kiến trúc thiết kế đơn giản, hiện đại mang được các nét đặc trưng của khu vực và hài hòa với cảnh quan; chủ yếu bố trí các công trình thấp tầng, mái dốc, sử dụng vật liệu địa phương.

- Hệ thống quảng trường, sân, đường được tổ chức liên tục, bám sát và tận dụng địa hình để tạo các điểm nhìn đẹp kết hợp với hệ thống cây xanh tạo tổng thể hài hòa, thân thiện.

- Các công trình Nhà nghỉ dạng biệt thự, nhà vườn: Đầu tư xây dựng và cho thuê phục vụ du lịch, không được chuyển đổi thành đất ở để chuyển nhượng dưới mọi hình thức; không chia lô, thiết kế các công trình bám địa hình.

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch chiều cao:

- Căn cứ hiện trạng và yêu cầu về mặt kiến trúc cảnh quan, khu vực quy hoạch thiết kế san nền cao độ tối thiểu là +15,0m (khu ven hồ Yên Trung); dốc dần ra các hướng.

- Khu vực núi và đồi thông chỉ tiến hành san lấp cục bộ nhằm tận dụng tối đa tự nhiên, bố trí hệ thống kè và tường chắn chống sạt lở đất.

- Khu vực ven suối, ven hồ mái taluy được đắp theo từng lớp, đến cao độ thiết kế sẽ được trồng cây, cỏ tạo cảnh quan và chống sói lở.

- Khối lượng đất đắp khoảng 3,74 triệu m^3; tổng chiều dài kè hồ khoảng 4.953 m.

b. Giao thông:

- Trục đường trung tâm (Mặt cắt 1-1) nối trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế với hồ Yên Trung, đường đôi với mặt đường mỗi bên là 15m, vỉa hè 2x3,0m, đường đi bộ rộng 6,0m.

+ Hướng trục chính đón tiếp là hướng Tây Bắc và Tây Nam (từ đường Yên Tử vào). Mặt cắt (2-2) rộng 25m gồm: đường 15m (4 làn xe); vỉa hè

2x5,0m. Mặt cắt (3-3) rộng 20,5m gồm đường rộng 10,5m (3 làn xe), vỉa hè 2x 5,0m, hai bên vỉa hè bố trí không gian cây xanh, phố đi bộ, bán lẻ.

+ Phía trong khu du lịch hệ thống đường nội bộ hình vòng xuyến khép kín, tạo sự liên hoàn. Mặt cắt ngang đường nội bộ rộng từ 13,5m đến 17,0m, hai bên có vỉa hè lát đá rộng 1m, các lối lên giữa khu biệt thự độc lập được lát bằng vật liệu đá ghép, kết hợp trồng cỏ sẽ tạo cảm giác gần gũi với thiên nhiên.

c. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước khu vực được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng, theo nguyên tắc tự chảy được kết hợp chặt chẽ với các công trình ngầm khác trong khu đô thị.

- Khu vực được chia làm 7 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Khu trung tâm, thoát nước theo hướng Tây - Đông đổ về hồ Yên Trung qua cửa xả số 1.

+ Lưu vực 2: Khu Tây Bắc hồ Yên Trung, thoát nước theo hướng Tây - Đông ra hồ Yên Trung qua cửa xả số 2.

+ Lưu vực 3: Phía Bắc hồ Yên Trung, thoát nước theo hướng Bắc – Nam ra hồ Yên Trung qua cửa xả số 3.

+ Lưu vực 4: Phía Đông hồ Yên Trung, thoát nước ra hồ Yên Trung qua cửa xả số 4.

+ Lưu vực 5: Phía Tây Nam hồ Yên Trung gần khu trung tâm, thoát nước ra hồ qua cửa xả số 5.

+ Lưu vực 6: Toàn bộ khu đồi rừng sinh thái phía Tây, thoát nước ra suối chính theo cửa xả số 6.

+ Lưu vực 7: Khu nhà biệt thự phía Tây giáp đường đi Yên Tử, đấu nối với cống D1250 theo quy hoạch.

- Yêu cầu: bổ sung các thông số về độ dốc đường, cao độ hệ thống thoát nước và xác định ranh giới, khối lượng các khu vực đào, đắp; Dự án có khối lượng đắp khá lớn khoảng 3,7 triệu m^3, cần có phương án cân đối khối lượng đào đắp và xác định điểm lấy đất san lấp phục vụ dự án; Xác định vị trí kích thước và khoảng cách giữa các tuyến hào, tuynel kỹ thuật, đường dây, đường ống và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong chỉ giới đường đỏ.

5.2. Cấp nước:

- Nguồn nước: Giai đoạn đầu khi chưa có hệ thống cấp nước theo quy hoạch chung xây dựng trạm cấp nước công xuất 1600m^3/ngày đêm và bể chứa 560m^3 trong khu vực hạ tầng phía Nam khu đất để đảm bảo cung cấp nước cho dự án. Giai đoạn sau khi hệ thống cấp nước của thị xã hoàn chỉnh nguồn nước sẽ được lấy từ đường ống cấp nước D150 từ nhà máy nước Đồng Mây.

- Mạng lưới cấp nước thiết kế dạng mạng vòng, đảm bảo cấp nước liên tục ngay cả khi có sự cố, áp lực nước tính toán đảm bảo cấp nước vào từng lô và công trình xây dựng. Mạng lưới đường ống chính đường kính D150-D200, đường ống phân phối D110-D50.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, trên các tuyến ống cấp nước được bố trí họng cứu hoả với bán kính tối đa là 150m. Đối với các công trình cao tầng khách sạn cần có hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình.

5.3. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a. Thoát nước thải:

- Bố trí mạng lưới thu gom nước thải và mạng lưới thoát nước mưa riêng biệt. Nước thải từ các công trình được được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại rồi thải vào hệ thống cống tròn đặt trên vỉa hè hoặc sau nhà, kích thước ống cống D300 và D400. Nước thải sau đó dẫn đến trạm xử lý công suất 1250 m^3/ng.d đặt ở phía Nam khu vực thiết kế, xử lý đạt cấp độ B (TCVN 5954), một phần sẽ được tái sử dụng để tưới cây rửa đường, phần còn lại đổ vào cống thoát nước mưa.

- Nước thải được thu gom theo hai khu vực chính:

+ Khu vực 1: Khu phía Đông hồ Yên Trung.

+ Khu vực 2: Khu vực nghỉ dưỡng cao cấp và khu ẩm thực nằm ở phía Đông hồ Yên Trung.

b. Xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn được phân loại từ nguồn thành hai loại:

+ Chất thải rắn vô cơ: kim loại, thuỷ tinh, chai nhựa, bao nilon...được thu gom để tái chế nhằm thu hồi phế liệu và giảm tải cho các khu xử lý chất thải rắn vô cơ. Các loại này được định kỳ thu gom.

+ Chất thải rắn vô cơ hữu cơ: thực phẩm, rau quả củ phế thải, lá cây...được thu gom hàng ngày và được công ty môi trường đô thị vận chuyển đến nơi xử lý tập trung của thị xã.

- Dự kiến bố trí các thùng thu gom chất thải rắn vô cơ bằng nhựa có nắp đậy tại các khu với cự ly nhỏ hơn 100m để cạnh các tuyến đường. Tại các khu du lịch giải trí, công viên cây xanh bố trí các thùng rác công cộng có nắp đậy tại các điểm vui chơi giải trí. Bố trí các thùng thu gom rác nhỏ ven các đường đi dạo với khoảng cách 100m một thùng để thu gom rác vụn...

- Chất thải sau khi thu gom được đưa về các điểm trung chuyển và được đưa về trạm xử lý chất thải rắn của thị xã.

5.4. Cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho các trạm biến áp trong khu vực dự kiến lấy từ tuyến cao áp 110KV nằm phía Nam khu đất. Xây dựng một trạm biến áp hạ thế 110/22 trong khu vực hạ tầng kỹ thuật. Tổng phụ tải điện toàn khu vực là ~2950KVA.

- Lưới điện 22kV trong dự án sử dụng cáp ngầm, dùng cáp khô, ruột đồng có cách điện cao phân tử (XLPE), có tiết diện tuyến 3x240mm^2 .

- Trạm biến áp 22/0,4kV: Bố trí 08 trạm biến áp, sử dụng loại trạm biến áp kiểu trạm xây, trạm kiốt; Gồm: trạm biến áp 1 TBA 500KVA, trạm biến áp 2 TBA 750KVA, trạm biến áp 3 TBA 1600KVA, trạm biến áp 4 TBA 250KVA,

trạm biến áp 5 TBA 400KVA, trạm biến áp 6 TBA 400KVA, trạm biến áp 7 TBA 250KVA, trạm biến áp 8 TBA 400KVA

- Mạng lưới chiếu sáng: Mạng lưới chiếu sáng được bố trí đi ngầm dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/ PVC/PVC; Hệ thống chiếu sáng thiết kế được điều khiển hoàn toàn tự động; Phương án chiếu sáng:

+ Đường giao thông chính và cổng chính được chiếu sáng bằng hệ thống đèn thuỷ ngân cao áp. Các tuyến đường nhánh, đường dạo sử dụng đèn cây, đường dẫn tới các biệt thự sẽ bố trí các loại đèn thủ công như đèn đá, đèn gốm.

+ Khuôn viên từng biệt thự sẽ được chiếu sáng bằng đèn nấm sân vườn, đèn rọi ngoại thất tạo khung cảnh lãng mạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty cổ phần Đầu tư ATS lập phương án đầu tư cụ thể trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét việc Công ty làm Chủ đầu tư thực hiện dự án.

2. Ủy ban Nhân dân thị xã Uông Bí công bố công khai quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định; phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu chức năng theo quy định.

3. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định; đóng dấu thẩm định vào hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ khi đồ án được duyệt làm cơ sở quản lý, đấu nối hạ tầng kỹ thuật và triển khai các quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội Vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã Uông Bí; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư ATS; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh Ủy; TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 2 (thực hiện);
- V0, V2, QH2, QLĐĐ1, VX1, TM1-2, TH1;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH1.

20 bản-QĐ019-01

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Thông